

**TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27 – 6 – 2019
V/v tranh chấp ly hôn

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hương

Các Hội thẩm N dân:

1. Bà Nguyễn Hoa Lại

2. Ông Nguyễn Phước Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án N dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án N dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2019/TL.ST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh N (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị T (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2A, thị trấn B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh N trình bày: Ông và bà Trần Thị T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên N là do vợ chồng không thể hòa hợp, thường xuyên tranh cãi, vợ chồng không nhường nhịn, thường xuyên lời lẽ không hay, bà T còn đuổi ông ra khỏi nhà. Vợ chồng ông không còn sống chung với nhau khoảng 04 năm. Ông N xác định không thể tiếp tục duy trì được quan hệ hôn N nên yêu cầu ly hôn với bà Toàn. Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung tên Nguyễn Hữu Nghĩa (nam), sinh ngày 27/7/2004. Cháu Nghĩa hiện đang sống với bà Toàn, ông N đồng ý giao cháu Nghĩa cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và không cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Trần Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên chưa ghi nhận được ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như

thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 14, Điều 51, Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn N và gia đình năm 2014; đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Thanh N và bà Trần Thị T là vợ chồng; về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu Nghĩa (nam), sinh ngày 27/7/2004 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông N chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Thanh N khởi kiện bà Trần Thị T yêu cầu được ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và nguyên đơn có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn và nguyên đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa ông Nhân, bà T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống ông Nhân, bà T phát sinh mâu thuẫn nguyên N là do vợ chồng không thể hòa hợp, thường xuyên tranh cãi, vợ chồng không nhường nhịn, thường xuyên lời lẽ không hay, bà T còn đuổi ông ra khỏi nhà. Hiện ông Nhân, bà T đã không còn chung sống với nhau khoảng 04 năm và đến thời điểm giải quyết vụ án ông Nhân, bà T vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 14 Luật hôn N và gia đình năm 2014 không công nhận ông Nguyễn Thanh N và bà Trần Thị T là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông N và bà T có 01 con chung là Nguyễn Hữu Nghĩa (nam), sinh ngày 27/7/2004, hiện đang sống với bà Toàn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bà T nhiều lần để tiến hành làm việc và đề yêu cầu đưa cháu Nghĩa đến ghi nhận ý kiến nhưng bà T không đến nên chưa ghi nhận được ý kiến của bà T và nguyện vọng của cháu Nghĩa. Tuy nhiên, do hiện tại cháu Nghĩa đang sống chung với bà T và ông N cũng đồng ý cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu đến khi thành niên. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nhằm đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và ổn định cuộc sống cho cháu Nghĩa nên tiếp tục giao cháu Nghĩa cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Do chưa ghi nhận được ý kiến của bà T về yêu cầu cấp dưỡng nên ông N chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Ông N có quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông N xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này giữa ông N và bà T phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông N phải chịu án phí hôn N và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn N và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Thanh N và bà Trần Thị T là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu Nghĩa (nam), sinh ngày 27/7/2004 cho bà T nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ông N chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Ông N có quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí hôn N và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp theo biên lai số 0018747 ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí dân sự sơ thẩm (ông N đã nộp xong).

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hương